

Bản án số: 268/2022/DS-PT

Ngày: 04 /11/2022

V/v: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa:* Bà **Phan Thị Hồng D**

- *Các thẩm phán:* Bà **Lê Thị Minh T**

Bà **Trần Thị Thanh G**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Huỳnh Minh Đ** – Thư ký tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ:* Bà **Huỳnh Hồng P** - kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án Nhân dân thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử công khai vụ án thụ lý số: 218/2022/TLST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2022 về việc: “Tranh chấp vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 244/2022/QĐPT-DS ngày 06 tháng 10 năm 2022.

Do bản án sơ thẩm số 38/2022/DS.ST ngày 06/6/2022 của Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xử sơ thẩm có kháng cáo, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị Kim T**, sinh năm 1964(Có mặt)

Địa chỉ: số 125, Khu vực 14, phường Châu Văn Liêm, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

*** Bị đơn:** Ông **Nguyễn Hữu T**, sinh năm 1955(Có mặt)

Địa chỉ: 219/2 Khu vực 13, phường Châu Văn Liêm, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Nguyễn Vị Tiên D , sinh năm 1984.(Có mặt)

Địa chỉ: Khu vực Bình Khánh, phường Châu Văn Liêm, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Người kháng cáo: Bị đơn Ông Nguyễn Hữu T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 12/4/2022 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Kim T trình bày: Tháng 10/2014 có cho Ông Nguyễn Hữu T vay 15 chỉ vàng 24K, lãi suất 1.500.000 đồng/tháng. Có làm hợp đồng vay tiền nhưng ghi với số tiền là 50.000.000 đồng vì khi đó công chứng viên giải thích không cho cá nhân vay vàng với nhau, thời hạn cho vay là 04 tháng. Ông T có đưa cho bà giữ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 510643 cấp ngày 11/12/2001 tên Nguyễn Hữu P (ba ông T) để giữ làm tin. Từ khi vay số vàng của bà đến nay thì Ông T đã đóng lãi được tổng số tiền là 10.000.000 đồng, không có ký nhận và đã trả được số vàng là 8,5 chỉ vàng 24K. Nay bà khởi kiện yêu cầu Ông T tiếp tục trả số vàng là 6,5 chỉ vàng 24K tương đương với số tiền là 36.000.000 đồng.

- Bị đơn Ông Nguyễn Hữu T trình bày: Thực tế ông không có vay tiền của bà T mà là con ông là Bà Nguyễn Vị Tiên D vay của bà T , do ông chỉ là người ký giấy vay tiền thay. Thực tế thì ông và con gái chỉ mượn tiền, không có mượn 1,5 cây vàng 24k như bà T trình bày do hợp đồng vay tiền có công chứng là ghi vay tiền, nay đối với yêu cầu khởi kiện của bà T thì ông không đồng ý trả số tiền 36.000.000 đồng, yêu cầu khấu trừ, quy đổi số vàng là 8,5 chỉ vàng 24K thành tiền để khấu trừ vào số tiền ông nợ bà T là 50.000.000 đồng theo như hợp đồng vay tiền. Nay ông chỉ đồng ý trả cho bà T số tiền 12.000.000 đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Nguyễn Vị Tiên D trình bày: Thực tế bà mới là người vay tiền của bà T , sở dĩ Ông T (ba ruột bà) ký hợp đồng vay tiền với bà T là vì Ông T có đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T làm tin. Nay bà thống nhất với lời trình bày của ông Trí, chỉ đồng ý trả cho bà T số tiền 12.000.000 đồng.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn trả số vàng là 6,5 chỉ vàng 24K. Sở dĩ ký hợp đồng công chứng số tiền 50.000.000 đồng là để đảm bảo cho bị đơn trả lại số vàng đã mượn thực tế ký hợp đồng cho vay 50.000.000 đồng là của việc đảm bảo cho vay số vàng 15 chỉ vàng 24K, nhưng thực tế bà đưa vàng cho bị đơn chứ không có giao tiền.

- Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì nguyên đơn chỉ ký hợp đồng vay số tiền 50.000.000 đồng, nhưng thực tế thì bị đơn không có nhận số tiền 50.000.000 đồng từ nguyên đơn mà nguyên đơn đưa cho con gái là chị D số tiền 43.500.000 đồng, nay đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì ông chỉ đồng ý trả thêm số tiền 12.000.000 đồng, khấu trừ vào số vàng ông đã trả là 8,5 chỉ vàng.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì bị đơn chỉ mượn tiền của nguyên đơn. Ngày 23/10/2014 khi đến Văn phòng công chứng thì Công chứng viên cho biết không cho vay vàng nên lập hợp đồng cho vay tiền là 50.000.000 đồng, tương đương với số vàng là 15 chỉ vàng 24K. Khi ký hợp đồng xong thì nguyên đơn chỉ đưa cho bà số tiền 43.500.000 đồng.

Tại bản án sơ thẩm số 38/2022/DS.ST ngày 06/6/2022 của Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Kim T

Buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số vàng là 6,5 chỉ vàng 24K, quy đổi thành tiền là 34.645.000 đồng.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của nguyên đơn, nếu bị đơn không thanh toán số tiền trên thì nguyên đơn phải chịu lãi suất chậm trả theo Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo qui định.

Ngày 20/6/2022 Ông Nguyễn Hữu T kháng cáo bản án sơ thẩm cho rằng con ông là Dung vay vàng qui ra tiền ông có ký nhận tiền, nên không đồng ý trả vàng. Nhận tiền trả tiền, hiện tại khấu trừ số vàng đã trả qui ra tiền, ông còn nợ 12.000.000đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm đề nghị của kiểm sát viên:

- Về tố tụng: từ khi thụ lý đến khi xét xử, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đơn kháng cáo của Ông T hợp lệ về mặt hình thức nên chấp nhận. Yêu cầu kháng cáo Ông T cho rằng vay tiền để trả tiền nhưng không đưa ra chứng cứ nào khác để chứng minh, tại các biên bản hòa giải địa phương và tại tòa đều thể hiện vay mượn vàng và có trả vàng giữa hai bên. Nên án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Tại tòa nguyên đơn tự nguyện tả lại giấy

đất cho bị đơn nên ghi nhận. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự y án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên toà; Căn cứ vào kết quả tranh luận trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện của kiểm sát viên, người tham gia tố tụng tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số vàng đã vay nên xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", đồng thời bị đơn có nơi cư trú tại quận Ô Môn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Nhân dân quận Ô Môn theo qui định Khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự là đúng quy định.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn Ông T cho rằng vay tiền và trả số tiền còn nợ 12.000.000đ:

Xét thấy, biên nhận giấy tay tương đương với giá trị của 15 chỉ vàng thời điểm xác lập hợp đồng vay tài sản ngày 23/10/2014 và ông ký hợp đồng vay tiền 50.000.000 đồng thì giữa nguyên đơn và bị đơn hoàn toàn không có giao nhận số tiền này với nhau, bị đơn cũng không đưa ra chứng cứ nào khác để chứng minh có việc giao nhận tiền, thực chất nguyên đơn cho vay vàng nhưng ra công chứng để đảm bảo. Mặt khác tại biên bản hoà giải của UBND phường Châu Văn Liêm ngày 07/02/2018, biên bản hoà giải ngày 06/6/2018 của Tòa án Nhân dân quận Ô Môn Ông T đều thừa nhận vay vàng và xin trả dần, tại tờ cam kết ngày 09/11/2020 thể hiện nội dung Ông T cũng thừa nhận có vay số vàng của nguyên đơn là 15 chỉ vàng 24K. Bên cạnh, theo lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn thì Ông T đã trả nhiều lần cho nguyên đơn số vàng là 8,5 chỉ vàng 24K, nguyên đơn đều có ký xác nhận đã nhận vàng đã trả của bị đơn. Năm 2018 nguyên đơn đã khởi kiện và rút đơn Tòa ra Quyết định đình chỉ số 23/2018 ngày 19/6/2018. Đến năm 2020 nguyên đơn tiếp tục khởi kiện tòa thụ lý, hai bên tiếp tục thương lượng và nguyên đơn rút đơn tòa ra Quyết định đình chỉ số 57/2020/QĐST-DS ngày 09/11/2020, toàn bộ hồ sơ không có văn bản nào thể hiện giao nhận tiền và có trả tiền giữa hai bên. Từ đó cho thấy, ý thức cũng như sự thoả thuận ban đầu giữa các đương sự là vay vàng với nhau. Do vậy lời trình bày của nguyên đơn về việc cho vay 15 chỉ vàng 24K là sự thật và các đương sự cùng thừa nhận thống nhất đã trả cho nhau số vàng 8,5 chỉ, còn nợ 6,5 chỉ vàng 24k nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số vàng còn nợ là có cơ sở.

Theo Điều 471 Bộ luật dân sự 2005 thì bên vay có nghĩa vụ trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng nhưng Theo Khoản 4 Điều 19 Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng thì việc cho vay vàng giữa các cá nhân là không được phép nên cần quy đổi số vàng mà bị đơn còn thiếu thành tiền để buộc bị đơn trả cho nguyên đơn.

Theo giá vàng ngày 06/6/2022 là 5.330.000 đồng 01 chỉ vàng 24K nên 6,5 chỉ vàng 24 K quy đổi thành tiền là 34.645.000 đồng.

Từ những nhận định trên, bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, bị đơn kháng cáo không cung cấp chứng cứ mới nào khác nên không có cơ sở để xem xét, vì vậy bác yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà T thừa nhận giữ giấy đất và đồng ý giao trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T510643 tên hộ ông Nguyễn Hữu P (ba ông Trí) cho nguyên đơn sau khi bị đơn thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Xét thấy đây là tự nguyện của đương sự phù hợp qui định pháp luật cần ghi nhận.

[3] Về án phí sơ, phúc thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm, bị đơn kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm, nhưng do bị đơn là người cao tuổi nên được miễn án phí theo qui định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

*** Căn cứ vào:**

- Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39; Điều 92, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 471 Bộ luật dân sự 2005;

- Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

- Khoản 4 Điều 19 Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng.

- Điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hình thức: Chấp nhận đơn kháng cáo hợp lệ của bị đơn Ông Nguyễn Hữu T .

- Về nội dung: Bác đơn kháng cáo của Ông Nguyễn Hữu T .

Giữ nguyên bản án sơ thẩm

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Kim T

Buộc bị đơn Ông Nguyễn Hữu T trả cho nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Kim T số vàng là 6,5 chỉ vàng 24K, quy đổi thành tiền là 34.645.000 đồng (ba mươi bốn triệu, sáu trăm bốn mươi lăm ngàn đồng).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của nguyên đơn, nếu bị đơn không thanh toán số tiền trên thì nguyên đơn phải chịu lãi suất chậm trả theo Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của Bà Nguyễn Thị Kim T giao trả cho ông Nguyễn Hữu Trí giấy chứng nhận số T510643 tên hộ ông Nguyễn Hữu P sau khi Ông T trả xong số nợ.

3. Về án phí sơ, phúc thẩm: Miễn án phí cho bị đơn, nguyên đơn được nhận lại tạm ứng án phí đã nộp là 918.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003313 ngày 14/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và thời hiệu Thi hành án dân sự được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

LÊ THỊ MINH T TRẦN THỊ THANH G

PHAN THỊ HỒNG D